

PHỤ LỤC 04B: BIỂU PHÍ PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ BỘ THẺ TÍN DỤNG PHONG CÁCH SỐNG

TT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Cán bộ nhân viên PVCB	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH trả lương	Căn cứ tính	VAT	
				Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX. Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	KH Hạng Kim Cương - G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim - G-Platinum	KH Hạng Vàng - G-Gold	KH trải nghiệm				
1	Phát hành thẻ (áp dụng với Thẻ mới/Thẻ tái cấp)														
	Thẻ thứ nhất														
	- Thẻ chính	Miễn phí											01 thẻ		
	- Thẻ phụ	Miễn phí											01 thẻ		
	Thẻ thứ 2,3,...														
	- Thẻ chính	100.000 VND	Miễn phí				100.000 VND	Miễn phí	100.000 VND					01 thẻ	

TT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Cán bộ nhân viên PVCB	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH trả lương	Căn cứ tính	VAT
				Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX. Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	KH Hạng Kim Cương - G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim - G-Platinum	KH Hạng Vàng - G-Gold	KH trải nghiệm			
	- Thẻ phụ	50.000 VND		Miễn phí				50.000 VND	Miễn phí	50.000 VND			01 thẻ	
2	Phí phát hành thẻ nhanh (trong 2 ngày làm việc)													
	- Các thẻ hạng Standard	200.000 VND		Miễn phí	200.000 VND				200.000 VND				01 thẻ	
	- Các thẻ hạng Platinum	300.000 VND		Miễn phí	300.000 VND				300.000 VND				01 thẻ	
3	Phí thường niên													
3.1	Phí thường niên năm đầu (*)													
	- Thẻ chính													
	+ Các thẻ hạng Standard	450.000 VND		Miễn phí								01 thẻ		
	+ Các thẻ hạng Platinum	950.000 VND		Miễn phí								01 thẻ		

TT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Cán bộ nhân viên PVCB	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH trả lương	Căn cứ tính	VAT
				Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX. Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	KH Hạng Kim Cương - G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim - G-Platinum	KH Hạng Vàng - G-Gold	KH trải nghiệm			
	- Thẻ phụ													
	+ Các thẻ hạng Standard	250.000 VND					Miễn phí						01 thẻ	
	+ Các thẻ hạng Platinum	450.000 VND					Miễn phí						01 thẻ	
3.2	Phí thường niên năm thứ 2 (**)													
	- Thẻ chính													
	+ Các thẻ hạng Standard	450.000 VND				Miễn phí			450.000 VND	Miễn phí			01 thẻ	
	+ Các thẻ hạng Platinum	950.000 VND				Miễn phí			950.000 VND	Miễn phí			01 thẻ	
	- Thẻ phụ													

TT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Cán bộ nhân viên PVCB	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH trả lương	Căn cứ tính	VAT
				Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX. Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	KH Hạng Kim Cương - G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim - G-Platinum	KH Hạng Vàng - G-Gold	KH trải nghiệm			
	+ Các thẻ hạng Standard	250.000 VND		Miễn phí						250.000 VND	Miễn phí	01 thẻ		
	+ Các thẻ hạng Platinum	450.000 VND		Miễn phí						450.000 VND	Miễn phí	01 thẻ		
3.3	Phí thường niên năm thứ 3 (**)													
	- Thẻ chính													
	+ Các thẻ hạng Standard	450.000 VND		Miễn phí						450.000 VND		01 thẻ		
	+ Các thẻ hạng Platinum	950.000 VND		Miễn phí						950.000 VND		01 thẻ		
	- Thẻ phụ													
	+ Các thẻ hạng Standard	250.000 VND		Miễn phí						250.000 VND		01 thẻ		

TT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Cán bộ nhân viên PVCB	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH trả lương	Căn cứ tính	VAT
				Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX. Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	KH Hạng Kim Cương - G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim - G-Platinum	KH Hạng Vàng - G-Gold	KH trải nghiệm			
	+ Các thẻ hạng Platinum	450.000 VND		Miễn phí				450.000 VND					01 thẻ	
3.4	Phí thường niên các năm tiếp theo (**)													
	- Thẻ chính													
	+ Các thẻ hạng Standard	450.000 VND		Miễn phí				450.000 VND					01 thẻ	
	+ Các thẻ hạng Platinum	950.000 VND		Miễn phí				950.000 VND					01 thẻ	
	- Thẻ phụ													
	+ Các thẻ hạng Standard	250.000 VND		Miễn phí				250.000 VND					01 thẻ	
	+ Các thẻ hạng Platinum	450.000 VND		Miễn phí				450.000 VND					01 thẻ	
4	Phí phát hành lại thẻ (Giữ nguyên số thẻ, thay đổi hạng, mất cắp, thất lạc...)												VAT	

TT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Cán bộ nhân viên PVCB	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH trả lương	Căn cứ tính	VAT
				Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX. Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	KH Hạng Kim Cương - G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim - G-Platinum	KH Hạng Vàng - G-Gold	KH trải nghiệm			
	- Các thẻ hạng Standard	100.000 VND										01 thẻ		
	- Các thẻ hạng Platinum	200.000 VND										01 thẻ		
5	Phí cấp lại PIN												VAT	
	- Các thẻ hạng Standard	50.000 VND										01 lần		
	- Các thẻ hạng Platinum	100.000 VND										01 lần		
6	Phí thông báo thẻ mất cấp thất lạc	100.000 VND										01 lần	VAT	
7	Phí tra soát khiếu nại (do khiếu nại sai)	80.000 VND										01 lần	VAT	

TT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Cán bộ nhân viên PVCB	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH trả lương	Căn cứ tính	VAT	
				Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX. Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	KH Hạng Kim Cương - G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim - G-Platinum	KH Hạng Vàng - G-Gold	KH trải nghiệm				
8	Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch												80.000 VND	01 lần	VAT
9	Phí cấp bản sao sao kê												80.000 VND	01 lần	VAT
10	Phí xác nhận thông tin thẻ tín dụng theo yêu cầu (Xác nhận hạn mức tín dụng, thông tin khác)												100.000 VND	01 lần	VAT
11	Phí thay đổi hạn mức tín dụng/hạn mức quản lý												100.000 VND	01 lần	

TT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Cán bộ nhân viên PVCB	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH trả lương	Căn cứ tính	VAT	
				Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX. Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	KH Hạng Kim Cương - G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim - G-Platinum	KH Hạng Vàng - G-Gold	KH trải nghiệm				
	sử dụng thẻ														
12	Phí thay đổi hình thức đảm bảo phát hành thẻ						100.000 VND						01 lần		
13	Phí yêu cầu khác						100.000 VND						01 lần	VAT	
14	Phí đóng thẻ (không áp dụng với thẻ tái cấp)												VAT		
	Dưới 6 tháng														
	- Các thẻ hạng Standard	250.000 VND	Miễn phí				250.000 VND						01 lần		
	- Các thẻ hạng Platinum	450.000 VND	Miễn phí				450.000 VND						01 lần		
	Từ 6 tháng trở lên														

TT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Cán bộ nhân viên PVCB	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH trả lương	Căn cứ tính	VAT
				Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX. Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	KH Hạng Kim Cương - G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim - G-Platinum	KH Hạng Vàng - G-Gold	KH trải nghiệm			
	- Các thẻ hạng Standard	Miễn phí										01 lần		
	- Các thẻ hạng Platinum	Miễn phí										01 lần		
15	Phí sử dụng vượt hạn mức	100.000 VND										01 lần trong 01 kỳ sao kê		
16	Phí phạt chậm thanh toán	5% số tiền chậm thanh toán, tối đa 80.000 VND										Số tiền giao dịch		
17	Phí rút tiền mặt	4% số tiền rút, tối đa 50.000VND										Số tiền giao dịch	VAT	
18	Phí quản lý chi tiêu ngoại tệ (không áp dụng các giao dịch VND)	2.3% * số tiền giao dịch đã quy đổi sang VND										Số tiền giao dịch	VAT	

TT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Cán bộ nhân viên PVCB	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH trả lương	Căn cứ tính	VAT
				Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX. Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	KH Hạng Kim Cương - G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim - G-Platinum	KH Hạng Vàng - G-Gold	KH trải nghiệm			
19	Số tiền thanh toán tối thiểu	Giá trị giao dịch trả góp đến hạn trong kỳ (nếu có) + 5% dư nợ cuối kỳ còn lại (không bao gồm dư nợ giao dịch trả góp) + Dư nợ vượt hạn mức (nếu có). Tối thiểu 100.000 VND										Kỳ sao kê		
20	Phí dịch vụ SMS banking	Miễn phí										Kỳ sao kê/ thuế bao	VAT	
21	Phí chọn số thẻ theo yêu cầu (***)	500.000 VND										01 thẻ	VAT	

Lưu ý:

1. Nguyên tắc thu phí thường niên:

- Chính sách ưu đãi phí thường niên áp dụng:
 - + Theo phân hạng/phân nhóm KH được định danh trên T24; hoặc
 - + Theo ưu đãi của chính sách cấp tín dụng tại thời điểm KH đề xuất cấp hạn mức tín dụng (bao gồm Khách hàng lựa chọn trước có quan hệ tiền gửi; Khách hàng có quan hệ tiền vay; Khách hàng cầm cố sổ tiết kiệm; Khách hàng sở hữu hợp đồng bảo hiểm do PVcomBank cung cấp);
 - + Trường hợp KH thuộc đồng thời nhiều phân hạng/phân nhóm KH/theo ưu đãi của chính sách cấp tín dụng, KH được hưởng ưu đãi phí thường niên theo phân hạng/phân nhóm/Chính sách cấp tín dụng cao nhất theo xác nhận tại Tờ trình đề xuất cấp tín dụng của PVcomBank ban hành trong từng thời kỳ và không được áp dụng cộng gộp giữa các phân hạng/phân nhóm khách hàng/chính sách cấp tín dụng. Chính sách phí thường niên của KH chỉ cập nhật và điều chỉnh khi hết thời gian ưu đãi ban đầu. Trước 01 tháng tại thời điểm thu phí thường niên năm tiếp theo:

- + Nếu trường hợp KH được tăng phân hạng/phân nhóm KH thì ưu đãi phí thường niên của KH sẽ được cập nhật theo chính sách đang áp dụng cho phân hạng/phân nhóm KH đó và đảm bảo tổng thời gian hưởng ưu đãi của KH không vượt quá ưu đãi của phân hạng/phân nhóm KH tại thời điểm xét duyệt.
- + Nếu trường hợp KH hạ phân hạng/phân nhóm, chính sách thu phí dành cho KH áp dụng theo quy định tương ứng với phân hạng/phân nhóm hiện hành.
- Trường hợp KH tái cấp hạn mức thẻ tín dụng: Chính sách phí thường niên của KH được đánh giá và áp dụng theo phân hạng tương ứng của KH trên T24 tại thời điểm tái cấp hạn mức thẻ hoặc KH được xét các điều kiện hoàn phí thường niên khi đủ điều kiện chi tiêu theo quy định.
 - (*) Điều kiện hoàn phí thường niên năm đầu (áp dụng với khách hàng phát sinh phí thường niên năm đầu): Khách hàng mở mới thẻ tại tháng T và phát sinh tổng giá trị chi tiêu từ ngày phát hành thẻ trong tháng (T) đến ngày cuối cùng của tháng liền sau (T+1) đạt mức tối thiểu với Thẻ chính/Phụ của phân hạng thẻ Standard từ 1 triệu đồng/thẻ hoặc với thẻ chính/Phụ của phân hạng thẻ Platinum từ 3 triệu đồng/thẻ; hoặc
 - (**) Điều kiện hoàn phí thường niên các năm tiếp theo (áp dụng với khách hàng phát sinh phí thường niên các năm tiếp theo): Khách hàng hiện đang sử dụng thẻ tín dụng Phong cách sống và đạt tổng giá trị giao dịch trong năm liền trước đó đạt mức tối thiểu với Thẻ chính hạng Standard đạt từ 50 triệu đồng/thẻ; Với thẻ phụ hạng Standard đạt 15 triệu đồng/thẻ; Với Thẻ chính Platinum đạt 70 triệu đồng/thẻ; Với Thẻ phụ Platinum: 30 triệu đồng/thẻ.

Giá trị chi tiêu được tính trên từng thẻ của khách hàng. Khách hàng chỉ được xét điều kiện hoàn phí thường niên tại năm phát sinh phí thường niên.

Điều kiện chi tiết hưởng chương trình ưu đãi phí thường niên:

 - Doanh số chi tiêu hợp lệ bao gồm tổng tất cả giao dịch rút tiền, chi tiêu của thẻ hợp lệ và được ghi nhận thành công trên hệ thống của PVcomBank trong thời gian diễn ra chương trình. Các giao dịch loại trừ là các giao dịch thanh toán các kỳ sao kê, các khoản phí theo quy định của ngân hàng hoặc các khoản trả góp định kỳ, giao dịch hoàn tiền theo chương trình (nếu có), các giao dịch bị cấm theo quy định của pháp luật hiện hành: (đánh bạc ...), nạp tiền từ thẻ tín dụng vào các ví điện tử hoặc các giao dịch do PVcomBank đánh giá thuộc các giao dịch gian lận, giao dịch khống không mua hàng hóa dịch vụ ...
 - Tại kỳ xét hoàn phí, thẻ của KH phải ở trạng thái hoạt động (Valid card, Temporary Blocked by Client)

Lưu ý: Với trường hợp khách hàng chuyển đổi hạng thẻ: phí thường niên của thẻ chuyển đổi lên theo mức phí nào thì điều kiện xét hoàn phí tính theo mốc hoàn phí của mức phí thường niên đó."

(***) Phí chọn số thẻ theo yêu cầu không bao gồm Phí chọn số thẻ đẹp. Quy định Số thẻ đẹp được PVcomBank ban hành theo từng thời kỳ.

2. PVcomBank không hoàn lại phí cho Khách hàng trong trường hợp Khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của PVcomBank gây ra.
3. Các chi phí phát sinh như phí chuyển phát và các chi phí khác do Ngân hàng khác thu sẽ được PVcomBank thông báo và thu theo thực tế phát sinh.
4. Các phí có ghi chú ở cột VAT là "VAT" trong biểu phí này đã bao gồm thuế GTGT.
5. Các phí không ghi chú ở cột VAT trong biểu phí này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định của cơ quan thuế.